

Khảo sát thống kê tổng quát dựa  
trên Luật Thống kê



政府統計

Phiếu khảo sát này sẽ không được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác ngoài mục đích thống kê, vì vậy xin hãy điền câu trả lời một cách trung thực.

Phần điền bởi điều tra viên

Tên tỉnh thành	Vị trí gắn nhãn dán		
Tên trung tâm y tế công cộng			
Mã số quận huyện	Mã số khu vực	Mã số hộ gia đình	

Khảo sát cơ bản về an sinh xã hội và các vấn đề dân số năm 2026

## Khảo sát xu hướng hộ gia đình toàn quốc lần thứ 8

[Phiếu khảo sát dành cho chủ hộ gia đình (mẫu cho hộ gia đình)]

Ngày 1 tháng 7 năm 2026 (năm Reiwa thứ 8)

Viện Quốc gia về Nghiên cứu An sinh Xã hội và Dân số, Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi  
〒100-0011 Tầng 6, Tòa nhà Hibiya Kokusai, 2-2-3 Uchisaiwaicho, Chiyoda-ku, Tokyo  
Điện thoại (tổng đài) 0120-002-984  
<https://www.ipss.go.jp>

### Yêu cầu khi trả lời phiếu khảo sát

- Quý vị sẽ trả lời phiếu khảo sát này theo tình hình thực tế tính đến ngày 1 tháng 7. Về mặt nguyên tắc, chủ hộ gia đình phải là người điền câu trả lời. Nếu chủ hộ vắng mặt hoặc đang không sống cùng quý vị (khoảng 3 tháng trở lên), vui lòng điền tên người đại diện của hộ gia đình vào ô chủ hộ và đề người đại diện đó trả lời thay cho chủ hộ. \*Hộ gia đình nghĩa là tập hợp của một nhóm người (các thành viên trong hộ gia đình), thông thường đang cùng chung sống và có hoạt động sinh kế tại một nơi.
- Vui lòng điền câu trả lời theo từng hộ gia đình. Trong trường hợp hộ gia đình cha mẹ và hộ gia đình con cái cùng sống trong một nơi cư trú cho hai thế hệ sống chung, họ được coi là hai hộ gia đình riêng biệt nếu 1) không gian cư trú của họ tách biệt rõ ràng, hoặc 2) họ có hoạt động sinh kế riêng biệt. Với mỗi hộ, vui lòng điền 1 mẫu cho hộ gia đình.
- Vui lòng khoanh tròn  vào con số quý vị thấy đúng hoặc điền các con số thích hợp vào trong ngoặc đơn ( ) hoặc ô vuông .
- Nếu quý vị không biết cách điền, vui lòng xem "Hướng dẫn điền mẫu khảo sát". Nếu quý vị có bất kỳ thắc mắc nào, vui lòng liên hệ với số tổng đài được ghi ở phần "Yêu cầu hợp tác khảo sát" hoặc hỏi trực tiếp khi điều tra viên đến thu thập phiếu khảo sát của quý vị. Về thông tin chi tiết của cuộc khảo sát, vui lòng xem trang 24-25 của mẫu cho cá nhân.
- Quý vị cũng có thể trả lời phiếu khảo sát trực tuyến. Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng xem "Hướng dẫn trả lời trực tuyến" được gửi kèm theo phong bì này.

Đầu mối liên hệ tổng hợp của các khảo sát trực tuyến về thống kê của chính phủ (đường dẫn hoặc mã QR)

<https://www.e-survey.go.jp/>



**Câu hỏi 1** Xin được hỏi về hộ gia đình của quý vị.

- (1) Hiện tại có bao nhiêu người đang sống cùng quý vị tại nơi ở hiện tại, bao gồm cả chính quý vị?

Lưu ý: Những người vắng mặt trong thời gian dài (khoảng 3 tháng trở lên) do nhập viện, du học hoặc làm việc xa nhà, v.v., sẽ không được tính.

	người
--	-------

- (2) Trong hộ gia đình này có bao nhiêu phụ nữ đang kết hôn hoặc từng kết hôn?

Lưu ý: Những người vắng mặt trong thời gian dài (khoảng 3 tháng trở lên) do nhập viện, du học hoặc làm việc xa nhà, v.v., sẽ không được tính. "Từng kết hôn" dùng để chỉ người có vợ/chồng hoặc trước đây từng có vợ/chồng. "Vợ/chồng" cũng bao gồm những người chưa đăng ký kết hôn nhưng đang sống chung như vợ/chồng.

1. Có —————> Tổng cộng (        ) người
2. Không có

- (3) Nơi ở hiện tại của quý vị là loại nhà ở nào dưới đây?

- |   |   |                                  |
|---|---|----------------------------------|
| 1. Nhà mua (nhà mặt đất)                              | 3. Nhà thuê của Cơ quan Tái thiết       | 5. Nhà được công ty cung cấp như |
| 2. Nhà mua (nhà ở tập thể như chung cư, căn hộ, v.v.) | Đô thị (UR), các công ty nhà nước, v.v. | ký túc xá, v.v.                  |
|   | 4. Nhà thuê của tư nhân                 | 6. Khác                          |

**Câu hỏi 2** Vui lòng điền tất cả các thành viên (bao gồm cả con dưới 18 tuổi) hiện đang cùng sống và thực hiện hoạt động sinh kế tại nơi ở này, theo thứ tự bắt đầu từ chủ hộ (người thứ nhất).

Lưu ý: Không bao gồm những người vắng mặt trong thời gian dài (khoảng 3 tháng trở lên) do nhập viện, du học hoặc làm việc xa nhà, v.v.

Thành viên hộ gia đình mã số 01 (người thứ nhất)	Thành viên hộ gia đình mã số 02 (người thứ hai)	Thành viên hộ gia đình mã số 03 (người thứ ba)
<p>(1) Mọi quan hệ với chủ hộ            *"Vợ/chồng" cũng bao gồm những người chưa đăng ký kết hôn nhưng đang sống chung như vợ/chồng. Ông bà và anh chị em ruột của vợ/chồng chủ hộ sẽ bao gồm trong các mục "8. Ông bà" và "9. Anh chị em ruột". Vợ/chồng của anh chị em ruột được bao gồm trong mục "10. Người thân khác".</p>		
<p>○ Chủ hộ (quý vị)</p>	<p>1. Vợ/chồng của chủ hộ            2. Con            3. Vợ/chồng của con            4. Cháu            5. Vợ/chồng của cháu            6. Cha mẹ của chủ hộ            7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ            8. Ông bà            9. Anh chị em ruột            10. Người thân khác            11. Người yêu, bạn, v.v.            12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)</p>	<p>1. Vợ/chồng của chủ hộ            2. Con            3. Vợ/chồng của con            4. Cháu            5. Vợ/chồng của cháu            6. Cha mẹ của chủ hộ            7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ            8. Ông bà            9. Anh chị em ruột            10. Người thân khác            11. Người yêu, bạn, v.v.            12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)</p>
<p>(2) Giới tính</p>		
<p>1. Nam                      2. Nữ</p>	<p>1. Nam                      2. Nữ</p>	<p>1. Nam                      2. Nữ</p>
<p>(3) Ngày sinh</p>		
<p>1. Meiji                      4. Heisei            2. Taisho                      5. Reiwa            3. Showa                      6. Dương lịch            năm ( ) Tháng ( )</p>	<p>1. Meiji                      4. Heisei            2. Taisho                      5. Reiwa            3. Showa                      6. Dương lịch            năm ( ) Tháng ( )</p>	<p>1. Meiji                      4. Heisei            2. Taisho                      5. Reiwa            3. Showa                      6. Dương lịch            năm ( ) Tháng ( )</p>
<p>(4) Người này có vợ/chồng không? Nếu vợ/chồng của người này có sống trong hộ gia đình này, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người vợ/chồng đó.            *Nếu vợ/chồng của người này hiện không có sống trong hộ gia đình này, vui lòng điền "99" trong mục mã số thành viên trong hộ gia đình của người vợ/chồng đó.</p>		
<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            (Đã kết hôn)            2. Không có</p>	<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            (Đã kết hôn)            2. Không có</p>	<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            (Đã kết hôn)            2. Không có</p>
<p>(5) Cha của người này có sống trong hộ gia đình này không? Nếu có, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người cha đó. *Không bao gồm cha vợ/cha chồng.</p>		
<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            2. Không có</p>	<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            2. Không có</p>	<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            2. Không có</p>
<p>(6) Mẹ của người này có sống trong hộ gia đình này không? Nếu có, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người mẹ đó. *Không bao gồm mẹ vợ/mẹ chồng.</p>		
<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            2. Không có</p>	<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            2. Không có</p>	<p>1. Có                      → Mã số thành viên trong hộ gia đình            2. Không có</p>

**Câu hỏi 2 (tiếp theo)**

Thành viên hộ gia đình mã số 04 (người thứ bốn)	Thành viên hộ gia đình mã số 05 (người thứ năm)	Thành viên hộ gia đình mã số 06 (người thứ sáu)
<p>(1) Mọi quan hệ với chủ hộ                      *"Vợ/chồng" cũng bao gồm những người chưa đăng ký kết hôn nhưng đang sống chung như vợ/chồng. Ông bà và anh chị em ruột của vợ/chồng chủ hộ sẽ bao gồm trong các mục "8. Ông bà" và "9. Anh chị em ruột". Vợ/chồng của anh chị em ruột được bao gồm trong mục "10. Người thân khác".</p>		
1. Vợ/chồng của chủ hộ 2. Con 3. Vợ/chồng của con 4. Cháu 5. Vợ/chồng của cháu 6. Cha mẹ của chủ hộ 7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ 8. Ông bà 9. Anh chị em ruột 10. Người thân khác 11. Người yêu, bạn, v.v. 12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)	1. Vợ/chồng của chủ hộ 2. Con 3. Vợ/chồng của con 4. Cháu 5. Vợ/chồng của cháu 6. Cha mẹ của chủ hộ 7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ 8. Ông bà 9. Anh chị em ruột 10. Người thân khác 11. Người yêu, bạn, v.v. 12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)	1. Vợ/chồng của chủ hộ 2. Con 3. Vợ/chồng của con 4. Cháu 5. Vợ/chồng của cháu 6. Cha mẹ của chủ hộ 7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ 8. Ông bà 9. Anh chị em ruột 10. Người thân khác 11. Người yêu, bạn, v.v. 12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)
<p>(2) Giới tính</p>		
1. Nam      2. Nữ	1. Nam      2. Nữ	1. Nam      2. Nữ
<p>(3) Ngày sinh</p>		
1. Meiji      4. Heisei 2. Taisho    5. Reiwa 3. Showa      6. Dương lịch năm (    ) Tháng (    )	1. Meiji      4. Heisei 2. Taisho    5. Reiwa 3. Showa      6. Dương lịch năm (    ) Tháng (    )	1. Meiji      4. Heisei 2. Taisho    5. Reiwa 3. Showa      6. Dương lịch năm (    ) Tháng (    )
<p>(4) Người này có vợ/chồng không? Nếu vợ/chồng của người này có sống trong hộ gia đình này, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người vợ/chồng đó.                      *Nếu vợ/chồng của người này hiện không có sống trong hộ gia đình này, vui lòng điền "99" trong mục mã số thành viên trong hộ gia đình của người vợ/chồng đó.</p>		
1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình (Đã kết hôn) 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình (Đã kết hôn) 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình (Đã kết hôn) 2. Không có
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<p>(5) Cha của người này có sống trong hộ gia đình này không? Nếu có, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người cha đó. *Không bao gồm cha vợ/cha chồng.</p>		
1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>
<p>(6) Mẹ của người này có sống trong hộ gia đình này không? Nếu có, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người mẹ đó. *Không bao gồm mẹ vợ/mẹ chồng.</p>		
1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có
<input type="text"/>	<input type="text"/>	<input type="text"/>

**Câu hỏi 2 (tiếp theo)**

**\*Nếu hộ gia đình của quý vị có 10 người trở lên, vui lòng lấy thêm phiếu khảo sát dự phòng từ điều tra viên.**

Thành viên hộ gia đình mã số 07 (người thứ bảy)	Thành viên hộ gia đình mã số 08 (người thứ tám)	Thành viên hộ gia đình mã số 09 (người thứ chín)
<p>(1) Mọi quan hệ với chủ hộ                      *"Vợ/chồng" cũng bao gồm những người chưa đăng ký kết hôn nhưng đang sống chung như vợ/chồng. Ông bà và anh chị em ruột của vợ/chồng chủ hộ sẽ bao gồm trong các mục "8. Ông bà" và "9. Anh chị em ruột". Vợ/chồng của anh chị em ruột được bao gồm trong mục "10. Người thân khác".</p>		
1. Vợ/chồng của chủ hộ 2. Con 3. Vợ/chồng của con 4. Cháu 5. Vợ/chồng của cháu 6. Cha mẹ của chủ hộ 7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ 8. Ông bà 9. Anh chị em ruột 10. Người thân khác 11. Người yêu, bạn, v.v. 12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)	1. Vợ/chồng của chủ hộ 2. Con 3. Vợ/chồng của con 4. Cháu 5. Vợ/chồng của cháu 6. Cha mẹ của chủ hộ 7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ 8. Ông bà 9. Anh chị em ruột 10. Người thân khác 11. Người yêu, bạn, v.v. 12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)	1. Vợ/chồng của chủ hộ 2. Con 3. Vợ/chồng của con 4. Cháu 5. Vợ/chồng của cháu 6. Cha mẹ của chủ hộ 7. Cha mẹ của vợ/chồng chủ hộ 8. Ông bà 9. Anh chị em ruột 10. Người thân khác 11. Người yêu, bạn, v.v. 12. Khác (ngoài người thân, người yêu, bạn, v.v.)
<p>(2) Giới tính</p>		
1. Nam      2. Nữ	1. Nam      2. Nữ	1. Nam      2. Nữ
<p>(3) Ngày sinh</p>		
1. Meiji      4. Heisei 2. Taisho    5. Reiwa 3. Showa     6. Dương lịch năm ( ) Tháng ( )	1. Meiji      4. Heisei 2. Taisho    5. Reiwa 3. Showa     6. Dương lịch năm ( ) Tháng ( )	1. Meiji      4. Heisei 2. Taisho    5. Reiwa 3. Showa     6. Dương lịch năm ( ) Tháng ( )
<p>(4) Người này có vợ/chồng không? Nếu vợ/chồng của người này có sống trong hộ gia đình này, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người vợ/chồng đó.                      *Nếu vợ/chồng của người này hiện không có sống trong hộ gia đình này, vui lòng điền "99" trong mục mã số thành viên trong hộ gia đình của người vợ/chồng đó.</p>		
1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình (Đã kết hôn) 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình (Đã kết hôn) 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình (Đã kết hôn) 2. Không có
<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/>
<p>(5) Cha của người này có sống trong hộ gia đình này không? Nếu có, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người cha đó. *Không bao gồm cha vợ/cha chồng.</p>		
1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có
<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/>
<p>(6) Mẹ của người này có sống trong hộ gia đình này không? Nếu có, vui lòng điền mã số thành viên trong hộ gia đình (01-09) của người mẹ đó. *Không bao gồm mẹ vợ/mẹ chồng.</p>		
1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có	1. Có      → Mã số thành viên trong hộ gia đình 2. Không có
<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/>

**Câu hỏi 3** Xin được hỏi về tình hình tài chính của hộ gia đình quý vị.

(1) Thu nhập trong 1 năm của hộ gia đình quý vị năm ngoái là khoảng bao nhiêu (bao gồm thuế)? Vui lòng chọn phương án gần nhất.

1. Không có	7. Từ 2,5 triệu đến 2,99 triệu yên	13. Từ 8 triệu đến 8,99 triệu yên
2. Dưới 500.000 yên	8. Từ 3 triệu đến 3,99 triệu yên	14. Từ 9 triệu đến 9,99 triệu yên
3. Từ 500.000 đến 990.000 yên	9. Từ 4 triệu đến 4,99 triệu yên	15. Từ 10 triệu đến 12,49 triệu yên
4. Từ 1 triệu đến 1,49 triệu yên	10. Từ 5 triệu đến 5,99 triệu yên	16. Từ 12,50 triệu đến 14,99 triệu yên
5. Từ 1,5 triệu đến 1,99 triệu yên	11. Từ 6 triệu đến 6,99 triệu yên	17. Từ 15 triệu đến 19,99 triệu yên
6. Từ 2 triệu đến 2,49 triệu yên	12. Từ 7 triệu đến 7,99 triệu yên	18. 20 triệu yên trở lên

(2) Tổng giá trị hiện tại của tất cả tài sản mà hộ gia đình quý vị sở hữu (bao gồm tiền tiết kiệm, cổ phiếu, bất động sản, v.v.) là khoảng bao nhiêu? Vui lòng chọn phương án gần nhất.

1. Không có	7. Từ 5 triệu đến 5,99 triệu yên	13. Từ 16 triệu đến 17,99 triệu yên
2. Dưới 1 triệu yên	8. Từ 6 triệu đến 7,99 triệu yên	14. Từ 18 triệu đến 19,99 triệu yên
3. Từ 1 triệu đến 1,99 triệu yên	9. Từ 8 triệu đến 9,99 triệu yên	15. Từ 20 triệu đến 29,99 triệu yên
4. Từ 2 triệu đến 2,99 triệu yên	10. Từ 10 đến 11,99 triệu yên	16. Từ 30 triệu đến 39,99 triệu yên
5. Từ 3 triệu đến 3,99 triệu yên	11. Từ 12 triệu đến 13,99 triệu yên	17. 40 triệu yên trở lên
6. Từ 4 triệu đến 4,99 triệu yên	12. Từ 14 triệu đến 15,99 triệu yên	

(3) Tổng số tiền vay và các khoản nợ của hộ gia đình quý vị (bao gồm tiền vay mua nhà, mua sắm hàng tiêu dùng lâu bền, quỹ chi cho giáo dục, v.v.) là khoảng bao nhiêu? Vui lòng chọn phương án gần nhất.

1. Không có	7. Từ 5 triệu đến 5,99 triệu yên	13. Từ 16 triệu đến 17,99 triệu yên
2. Dưới 1 triệu yên	8. Từ 6 triệu đến 7,99 triệu yên	14. Từ 18 triệu đến 19,99 triệu yên
3. Từ 1 triệu đến 1,99 triệu yên	9. Từ 8 triệu đến 9,99 triệu yên	15. Từ 20 triệu đến 29,99 triệu yên
4. Từ 2 triệu đến 2,99 triệu yên	10. Từ 10 đến 11,99 triệu yên	16. Từ 30 triệu đến 39,99 triệu yên
5. Từ 3 triệu đến 3,99 triệu yên	11. Từ 12 triệu đến 13,99 triệu yên	17. 40 triệu yên trở lên
6. Từ 4 triệu đến 4,99 triệu yên	12. Từ 14 triệu đến 15,99 triệu yên	

**Quý vị đã hoàn thành điền mẫu khảo sát cho hộ gia đình.**

**Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của quý vị.**

**Nếu quý vị từ 18 tuổi trở lên, vui lòng tiếp tục điền vào mẫu cho cá nhân.**